

Bản án số: 354/2024/HC-PT

Ngày 20/9/2024.

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán:

ông Võ Ngọc Thông

ông Nguyễn Văn Tào

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** ông Quách Hoà Bình, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 175/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1708/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Lê Xuân C - sinh năm 1944.

Địa chỉ: khu phố D, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: C L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2023). Có mặt.

2. Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q.

Địa chỉ: phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Phạm Đình H - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q (văn bản ủy quyền số 22/GUQ-VPĐKĐĐ ngày 15/8/2024). Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Mai Thị Phương Á.

Địa chỉ: khu phố D, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

Địa chỉ: số B đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: đường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Lê Xuân C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2023, tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Ông Lê Xuân C và vợ là bà Mai Thị Phương Á sử dụng thửa đất số 139, tờ bản đồ số 09 tại khu phố D, phường E, thành phố Đ và đăng ký đất đai theo Chi thị 299 của Thủ tướng Chính phủ, với diện tích 550m² đất thổ cư (T).

Ngày 12/10/1992, Ủy ban nhân dân thị xã Đ cấp Quyết định số 1822/QĐ-UBND cho vợ chồng ông C, bà Á với diện tích 300m² đất ở. Đến năm 1993, bà Á kê khai trong Sổ mục kê tại thửa đất số 1235, tờ bản đồ số 03, phường E, thị xã Đ diện tích 872,0m², ký hiệu thửa đất là T.

Ngày 15/4/2002, ông C, bà Á được UBND thị xã Đ công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 962546 với diện tích 826,0m² (trong đó: 300m² đất ở và 526m² đất vườn), thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 09, phường E, thị xã Đ.

Ngày 18/6/2021, ông C làm hồ sơ đề nghị xác định diện tích đất ở theo Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 đối với diện tích 250,0m²/550m² (T) tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 (550m² - 300m² = 250m²). Tuy nhiên, Sở TNMT cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CX 863220 ngày 08/7/2021 với diện tích 588,0m², trong đó có: 216,0m² đất ở đô thị, chỉ xác định thêm 118,0m² đất ở theo Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987, không xác định 132m² còn lại.

Từ năm 2022, ông C nộp hồ sơ đề nghị công nhận diện tích đất ở theo Sổ Đăng ký ruộng đất năm 1987 với diện tích đất ở còn lại là 132m² nhưng Văn phòng Đ - chi nhánh thành phố Đ nhiều lần trả hồ sơ yêu cầu làm rõ năm 1997 Nhà nước có thu hồi 132m² đất hay không và 132m² đất Nhà nước thu hồi xây dựng đường T là loại đất gì? Ông C đã có nhiều đơn, thư gửi UBND tỉnh và UBND thành phố Đ và ngày 10/8/2022, Sở G đã có văn bản số 1460/SGTVT-TTS gửi UBND thành phố Đ có nội dung: “2. Theo các Quyết định số 703/QĐ-UB ngày 18/6/1997, Quyết định số 1352/QĐ-UB ngày 25/11/1997 của UBND tỉnh, không có nguồn chi cho công tác giải phóng mặt bằng. Công tác giải phóng mặt bằng dự án đường T được Hội đồng đền bù thiệt hại - giải phóng mặt bằng thị xã Đ phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan thực hiện, Ban Q xây dựng các công trình giao thông là đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ thay mặt chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án; công tác xây lắp công trình được triển khai sau khi địa phương giải phóng được mặt bằng”.

Ngày 18/8/2022, Ủy ban nhân dân thành phố Đ có công văn số 1697/UBND-BTCD gửi Văn phòng Đ - chi nhánh thành phố Đ yêu cầu: “căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật”. Ngày 06/9/2022, Văn phòng Đ - chi nhánh thành phố Đ tiếp tục trả hồ sơ với lý do “Chưa đủ cơ sở để xác định 132m² bị ảnh hưởng khi xây dựng công trình đường T năm 1997 có Quyết định thu hồi hay không, loại đất thu hồi là loại đất gì, khi thu hồi đã chi trả kinh phí đền bù, bồi thường cho công dân hay không nên chi nhánh chưa đủ cơ sở để xử lý theo quy định”.

Ngày 31/10/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q có Công văn số 3881/STNMT-QLĐĐ v/v tham mưu UBND tỉnh Q xác nhận diện tích bị ảnh hưởng khi xây dựng công trình và ngày 12/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Công văn số 6340/UBND-KT của v/v xác nhận diện tích 132m² của gia đình ông C bị ảnh hưởng khi xây dựng công trình đường T năm 1997. Tuy nhiên, khi ông C nộp hồ sơ đề nghị thực hiện ý kiến của UBND tỉnh thì Văn phòng Đ - chi nhánh thành phố Đ tiếp tục trả hồ sơ.

Ông C tiếp tục kiến nghị thì ngày 05/6/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q thay đổi quan điểm, có Công văn số 2033/STNMT-QLĐĐ báo cáo UBND tỉnh với nội dung cho rằng 132m² đất mà gia đình ông C “hiến” cho Nhà nước là đất ở đô thị. Ngày 18/8/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q có văn bản số 3155/STNMT-QLĐĐ báo cáo UBND tỉnh, nại thêm lý do: “Sau khi xây dựng đường Tôn Thất Thuyết có mặt cắt rộng 16,0m. Như vậy, phần diện tích 132,0m² đất ở bị thiệt hại khi xây dựng đường T vào năm 1997 là nằm ngoài ranh giới đất ở của gia đình ông C được thị xã Đ giao đất vào năm 1992”.

Ông C tiếp tục có đơn kiến nghị thì ngày 19/9/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q có Văn bản số 949/VPĐKĐĐ- ĐKCG về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông C, có nội dung: “Phần diện tích 132,0m² mà ông Lê Xuân C đề nghị xác định lại diện tích đất ở, là diện tích nằm trong tổng diện tích 550,0m² đất (ký hiệu T) đã kê khai tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 mang tên bà Mai Thị Phương Á và phần diện tích này đã được xác định là đất ở khi Nhà nước giải toả mặt bằng đường T. Mặc dù phần diện tích bị ảnh hưởng nói trên không được Nhà nước đền bù nhưng đã được sử dụng để xây dựng đường giao thông. Vì vậy, không có cơ sở xác định lại diện tích đất ở theo yêu cầu của ông Lê Xuân C”.

Nhận thấy, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q không xác định diện tích 132m² còn lại trong tổng diện tích 550m² đất thổ cư mà gia đình ông C đã đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299 của Thủ tướng Chính phủ năm 1987 tại thửa đất nêu trên là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông C và trái với quy định của pháp luật đất đai, ảnh hưởng tới quyền lợi ích hợp pháp nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy bỏ văn bản số 949/VPĐKĐĐ- ĐK ngày 19/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q.

2. Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q xác định lại diện tích đất ở của gia đình ông theo Sổ Đăng ký ruộng đất năm 1987 và tiến hành đăng ký chuyên mục đích sử dụng đất đối với diện tích 132m² từ đất trồng cây hàng năm khác tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX863220 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 08/7/2021 mang tên ông Lê Xuân C và bà Mai Thị Phương Á sang đất ở đô thị.

** Tại văn bản số 1156/VPĐKĐ-ĐKCG ngày 30/10/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q và tại buổi đối thoại, người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q trình bày:*

Tại danh sách những hộ gia đình thiệt hại do giải tỏa đường T được UBND phường E lập ngày 10/12/1997 và Biên bản xác định thiệt hại thì diện tích bị thiệt hại của gia đình ông C là 132m² đất ở. Mặt khác, sau khi xây dựng đường T có mặt cắt rộng 16m. Như vậy, phần diện tích 132m² đất ở bị thiệt hại khi xây dựng đường T là nằm ngoài ranh giới đất ở của gia đình ông Lê Xuân C đã được UBND thành phố Đ giao vào năm 1992. Do đó, phần diện tích 132m² mà ông C đề nghị xác định diện tích đất ở là diện tích đất nằm trong tổng diện tích 550m² đất (ký hiệu T) đã kê khai tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 mang tên Mai Thị Phương Á và phần diện tích này đã được xác định là đất ở khi Nhà nước giải tỏa mặt bằng xây dựng đường T. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q có ý kiến như sau: tại danh sách những hộ gia đình thiệt hại do giải tỏa đường T được UBND phường E lập ngày 10/12/1997 và Biên bản xác định thiệt hại thì diện tích bị thiệt hại của gia đình ông C là 132m² đất ở. Mặt khác, sau khi xây dựng đường T có mặt cắt rộng 16m. Như vậy, phần diện tích 132m² đất ở bị thiệt hại khi xây dựng đường T là nằm ngoài ranh giới đất ở của gia đình ông Lê Xuân C đã được UBND thành phố Đ giao vào năm 1992.

Do đó, phần diện tích 132m² mà ông C đề nghị xác định diện tích đất ở là diện tích đất nằm trong tổng diện tích 550m² đất (ký hiệu T) đã kê khai tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 mang tên Mai Thị Phương Á và phần diện tích này đã được xác định là đất ở khi Nhà nước giải tỏa mặt bằng xây dựng đường T. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

- Ủy ban nhân dân phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 140; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật tổ tụng hành chính;

khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: 1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông **Lê Xuân C** về việc Hủy văn bản số 949/VPĐKĐĐ- ĐKCG ngày 19/9/2023 của **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q**.

2. Giữ nguyên văn bản số 2033/STNMT-QLĐĐ ngày 05/6/2023, Văn bản số 3155/STNMT-QLĐĐ ngày 18/8/2023 của **Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q**. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2024, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là bà **Nguyễn Thị L** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **C**.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là bà **Nguyễn Thị L** thay đổi nội dung kháng cáo như sau: đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm do chưa xem xét đầy đủ các yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Xuân C**.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông **Lê Xuân C**; huỷ bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là ông **Phạm Đình H** - Phó Giám đốc **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q** có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Mai Thị Phương Á**, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** vắng mặt; **Ủy ban nhân dân phường E** có văn bản xin vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông **Lê Xuân C** với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại Đơn khởi kiện ngày 01/10/2023, ông **Lê Xuân C** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy văn bản số 949/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 19/9/2023 của **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q** và các văn bản liên quan gồm: văn bản số 2033/STNMT-QLĐĐ ngày 05/6/2023, văn bản số 3155/STNMT-QLĐĐ ngày 18/8/2023 của **Sở Tài**

nguyên và Môi trường tỉnh Q. Ngày 06/10/2023, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện - bà Nguyễn Thị L có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện như sau: rút yêu cầu huỷ các văn bản số 3155 và số 2033 nêu trên.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q xác định lại diện tích đất ở của gia đình ông theo Sổ Đăng ký ruộng đất năm 1987 và tiến hành đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích 132m² từ đất trồng cây hàng năm khác tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX863220 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 08/7/2021 mang tên ông Lê Xuân C và bà Mai Thị Phương Á sang đất ở đô thị.

[2.2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị chỉ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu huỷ bỏ văn bản số 949/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 19/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, đồng thời xem xét các văn bản hành chính có liên quan mà chưa xem xét, giải quyết và chưa quyết định đối với yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu Tòa án buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q xác định lại diện tích đất ở của gia đình ông theo Sổ Đăng ký ruộng đất năm 1987 và tiến hành đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích 132m² từ đất trồng cây hàng năm khác tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX863220 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 08/7/2021 mang tên ông C và bà Mai Thị Phương Á sang đất ở đô thị. Xét án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, chưa xem xét đầy đủ các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Xuân C như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Do bản án hành chính sơ thẩm bị huỷ để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm nên ông Lê Xuân C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định khoản 3 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

1. Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm: ông Lê Xuân C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên

